TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/02/2018
V/v "Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn T.
2. Ông Nguyễn Hoàng T1.

Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc B, thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên toà:*
Ông: Trần Trung K - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2017/TLST – HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồng Thị T, sinh năm 1998;
Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993;
Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:
Bà Trần Thị L, sinh năm 1962;
Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh B

(chị T, anh T2, bà L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng chị Hồng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Đ vào năm 2016.

Nguyên nhân ly hôn: chị sống chung với gia đình chồng khó khăn, chồng thì nghe lời cha mẹ chồng và không đồng ý sống riêng, nên chị không thể tiếp tục sống với anh T2 nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 16/6/2017, hiện đang chung sống với anh T2. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Chị xác định, khi chị bỏ nhà đi thì con chị được 4.5 tháng tuổi, do nhà chồng không cho chị mang con theo nên đến nay chị cũng không biết con chị P triển như thế nào. Chị xác định hiện nay chị chưa có nghề nghiệp gì, hiện tại chị ở cùng với cha mẹ ruột, cha mẹ chị đi làm xí nghiệp. Nếu giao con cho chị, thì chị sẽ đi tìm việc làm để lo cho con.

Về tài sản chung: Chị xác định trong ngày cưới cha mẹ ruột của anh T2 có cho 14 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k. Chị gửi mẹ chồng là bà Trần Thị L quản lý 14 chỉ vàng 24k, còn lại 01 chỉ vàng 18k hiện chị đang quản lý. Khi ly hôn chị yêu cầu chia số tài sản trên. Ngoài ra, chị T còn xác định chị có gửi bà L 04 chỉ vàng 24k là tài sản riêng của chị, là tài sản chị có được trước khi kết hôn với anh T2, khi về chung sống với anh T2 chị gửi lại bà L quản lý dùm, nay khi ly hôn chị yêu cầu bà L giao trả cho chị.

Về nợ chung: không có

Theo ý kiến của anh Nguyễn Văn T2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân anh thống nhất với lời trình bày của chị T về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Tuy nhiên, anh xác định vợ chồng không có cải vã, mâu thuẫn gì. Trong thời gian chung sống anh cũng không nghe chị T tâm sự về việc cha mẹ anh khó khăn, chị T không sống được. Nay anh yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi Nguyễn Tấn P, sinh ngày 16/6/2017 và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Anh xác định con được 04 tháng tuổi thì chị T đã không cho bú sữa mẹ, đến khi con được 4.5 tháng tuổi thì chị T bỏ nhà đi cho đến nay. Trong thời gian chị T bỏ nhà đi thì con do anh nuôi dưỡng và P triển tốt. Anh trình bày thêm, anh là con trai út, hiện tại sống cùng với cha mẹ ruột có 20 công đất nuôi trồng thủy sản. Đồng thời anh làm nghề cân cua, thu nhập mỗi tháng của anh từ 5.000.000đ – 6.000.000đ là điều kiện để anh đảm bảo nuôi con.

Về tài sản chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T, trong ngày cưới cha mẹ ruột của anh có cho vợ chồng 14 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k. Trong thời gian chung sống anh chị đã bán 04 chỉ vàng 24k để chi xài, còn lại 10 chỉ vàng 24k hiện mẹ anh là bà Tô Thị L đang quản lý. Nay ly hôn anh yêu giữ lại 10 chỉ vàng 24k để nuôi con, còn lại 01 chỉ vàng 18k hiện chị T đang quản lý anh không yêu cầu chia. Đối với 04 chỉ vàng 24k chị T xác định là tài sản riêng của chị T anh cũng đồng ý giao trả cho chị T. T2 hợp Tòa án chia 10 chỉ vàng 24k là tài sản chung của vợ chồng thì anh yêu cầu chia 04 chỉ vàng 24k là tài sản chị T cho rằng tài sản riêng của chị T và anh yêu cầu chia 01 chỉ vàng 18k hiện chị T đang quản lý.

Theo ý kiến của bà L trình bày: Trước đây T và T2 chỉ có gửi bà 10 chỉ vàng 24k là tài sản chung của T và T2 được cho trong ngày cưới, còn 04 chỉ vàng 24k T và T2 bán chi xài như thế nào bà không biết. Ngoài ra T có gửi bà thêm 04 chỉ vàng

24k là tài sản riêng của T. Bà xác định nay bà đồng ý giao trả 10 chỉ vàng 24k cho T và T2 chia khi ly hôn và trả 04 chỉ vàng 24k là tài sản riêng của T giao trả cho T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B P biểu quan điểm cho rằng: quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Nội dung vụ án:

Xử cho chị Hồng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T2

Về tài sản chung:

Chia cho chị Hồng Thị T 07 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k. Buộc bà Trần Thị L giao trả lại cho chị T 05 chỉ vàng 24k. Buộc anh Nguyễn Văn T2 giao trả cho chị T 02 chỉ vàng 24k. Buộc chị T giao trả cho anh T2 0,5 chỉ vàng 18k.

Chia cho anh Nguyễn Văn T2 07 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k. Buộc bà Trần Thị L giao trả lại cho anh T2 05 chỉ vàng 24k, 02 chỉ vàng 24k anh T2 đang quản lý được giữ nguyên. Buộc chị T giao trả cho anh T2 0,5 chỉ vàng 18k.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 16/6/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn T2 giao con chung lại cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, P biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T2 xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Do gia đình chồng khó khăn chị không thể chung sống với anh T2. Mặc dù anh T2 không đồng ý ly hôn, nhưng chị T xác định anh chị chung sống không hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn. HĐXX xét thấy mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, đời sống chugn không thể kéo dài. Do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

[2] Về con chung: Bé Nguyễn Tấn P, sinh ngày 16/6/2017, tính đến thời điểm hiện tại bé chỉ mới hơn 08 tháng, cần sự chăm sóc của người mẹ. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại, chị T chưa có công việc, bản thân chị T còn sống nhờ cha mẹ ruột, nên chị T chưa đủ điều kiện nuôi con theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định. Đồng thời, từ khi chị T bỏ nhà đi,bé P chỉ mới 4.5 tháng đến nay đã đã hơn 8 tháng, đã uống sữa bình và điều do anh T2 chăm sóc nuôi dưỡng và P triển bình thường. Tránh làm xáo trộn cuộc sống của bé nên cần giao bé P cho anh T2 nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét

Về tài sản chung: Chị T và anh T2 thống nhất xác định tài sản được cho trong ngày cưới là 14 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k. Chị T xác định hiện do bà L quản lý 14 chỉ vàng 24k, chị yêu cầu chia khi ly hôn.

Theo anh T2 xác định trong thời gian chung sống vợ chồng đã bán 04 chỉ vàng 24k để chi xài, còn lại 10 chỉ vàng 24k hiện bà L đang quản lý. Còn lại 01 chỉ vàng 18k hiện chị T đang quản lý. Tuy nhiên, anh không đồng ý chia khi ly hôn.

Bà L xác định bà chỉ quản lý 10 chỉ vàng 24k là tài sản chung của chị T và anh T2 và đồng ý giao trả.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh T2 thống nhất thừa nhận đây là tài sản được cho chung trong ngày cưới nên đây được pháp luật thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng. Bởi lẽ, căn cứ vào Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ chồng tạo ra … tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung, tặng cho chung. . .". Do vậy, chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị T là có căn cứ. Tuy nhiên, chị T yêu cầu chia 14 chỉ vàng 24k nhưng chị không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, anh T2 và bà L là người quản lý tài sản nhưng chỉ thừa nhận chỉ quản lý 10 chỉ vàng 24k nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị. Cần chấp nhận nhận theo sự thừa nhận của bà L và anh T2.

Chia cho chị T 05 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k

Chia cho anh T2 05 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k.

Đối với 04 chỉ vàng 24k chị T xác định là tài sản riêng của chị, gửi bà L quản lý và yêu cầu giao trả. Trong quá trình giải quyết vụ án, tất cả các đương sự điều xác định đây là tài sản riêng của chị T. Tại phiên Tòa hôm nay anh T2 có yêu cầu chia là không phù hợp. Do anh T2 xác định là tài sản riêng của chị T nên không có căn cứ chia khi ly hôn. Nên cần buộc bà L có trách nhiệm giao trả cho chị T.

Về án phí: Chị Hồng Thị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân là 300.000đ và chịu án phía chia tài sản là: 19.900.000đ x 5% = 995.000đ. Chị T đã dự nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0006828 ngày 27/11/2017 và 1.575.000đ theo biên lai thu số 0006829 ngày 27/11/2017 được khấu trừ, hoàn lại cho chị T số tiền 580.000đ. Anh Nguyễn Văn T2 phải nộp án phí chia tài sản số tiền: 19.900.000đ x 5% = 995.000đ. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 51, 53, 55, 81, 82,83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Hồng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T2

Về tài sản chung:

Chia cho chị Hồng Thị T 05 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k. Buộc bà Trần Thị L giao trả lại cho chị T 05 chỉ vàng 24k.

Đối với 0,5 chỉ vàng 18k hiện chị T đang quản lý được giữ nguyên.

Chia cho anh Nguyễn Văn T2 05 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k. Buộc bà Trần Thị L giao trả lại cho anh T2 05 chỉ vàng 24k.

Buộc chị Hồng Thị T giao trả cho anh T2 0,5 chỉ vàng 18k.

Buộc bà Trần Thị L giao trả cho chị Hồng Thị T 04 chỉ vàng 24k

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 16/6/2017 cho anh Nguyễn Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện anh T2 đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Chị Hồng Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Hồng Thị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân là 300.000đ và chịu án phía chia tài sản số tiền 995.000đ. Chị T đã dự nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0006828 ngày 27/11/2017 và 1.575.000đ theo biên lai thu số 0006829 ngày 27/11/2017 được khấu trừ, hoàn lại cho chị T số tiền 580.000đ. Anh Nguyễn Văn T2 phải nộp án phí chia tài sản số tiền 995.000đ. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;
- Chi Cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị N